

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 219/2026/DS-ST

Ngày: 03 -9-2026

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình

Bà Lê Thị Nhớ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- **Đại diện VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Thị Mai P** – kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 -Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 3382/2026/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1130/2026/QĐXXST-DS ngày 22/6/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 1129/2026/QĐST – DS ngày 10/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1161/2026/QĐST – DS ngày 31/7/2026 giữa:

- **Nguyên đơn:** **Ngân hàng TMCP K1**; Địa chỉ: **4 P, phường R, tỉnh An Giang**. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng ông **Trần Ngọc M** – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT; Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Trương Công Anh T**, sinh năm 1991. Có mặt

- **Bị đơn:** Ông **Trương Đình K**, sinh năm 1982; Địa chỉ: **5 Hồ S, tổ E HTĐ, phường C, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt không rõ lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K1** (Sau đây gọi tắt là **Ngân hàng**), quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông **Trương Đình K** và **Ngân hàng TMCP K1** – **Chi nhánh Đ** “gọi tắt là **Ngân hàng K1**” ký Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K2** số: 0523/25/TC/0500-85090 ngày 09/06/2025, nội dung như sau:

- Hạn mức thẻ: 60.000.000 đồng. Loại thẻ: Visa GOLD - KHONG TSBD
- Lãi suất vay: Theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Thời hạn vay: 36 tháng.
- Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế.
- Điều kiện áp dụng: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế.

Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ khách hàng đã vi phạm các điều khoản của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng K2 theo QĐ Ban hành Quy định phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ tín dụng K2 0523/25/TC/0500-85090 ngày 09/06/2025 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP K1. Ngày phát sinh nợ quá hạn: 04/11/2025. Hiện tại, ngân hàng K1 chưa thực hiện khóa thẻ.

Quá trình sử dụng thẻ:

Tổng nợ gốc phát sinh	389.333.000
Số tiền gốc đã trả	329.540.495
Tổng cộng nợ gốc chưa thanh toán	59.792.505
Tổng lãi phát sinh (lãi suất 28%/năm)	11.421.184
Số tiền lãi đã trả	1.421.915
Tổng cộng tiền lãi chưa thanh toán	12.843.099
Tổng phí phạt chậm trả (3,5% số tiền chậm trả)	4.665.694
Số tiền phí phạt chậm trả đã thanh toán	321.365
Tổng cộng phí phạt chậm trả chưa thanh toán	4.344.329
Tổng phí phạt vượt hạn mức (0,075%/ngày)	1.600.000
Số tiền phí phạt vượt HM đã thanh toán	200.000
Tổng cộng phí phạt vượt HM chưa thanh toán	1.400.000
Phí thường niên	-
Tổng nợ chưa thanh toán dự thu đến ngày 10/07/2026	78.379.933

Tạm tính đến ngày 03/09/2026, khách hàng còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể là:

Khoản mục	Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế Kienlongbank số 0523/25/TC/0500-85090 ngày 09/06/2025
Nợ gốc còn lại	59.792.505 đồng
Lãi phát sinh còn lại (lãi trong hạn)	12.843.099 đồng
Phí phát sinh còn lại	5.744.329 đồng
Tổng	78.379.933 đồng

Ngân hàng TMCP K1 yêu cầu khởi kiện: Buộc ông **Trương Đình K** phải thanh toán cho **Ngân hàng K1** số tiền 78.379.933 đồng, trong đó gốc chưa thanh toán 59.792.505 đồng; lãi trong hạn 12.843.099 đồng; phí phát sinh còn lại 5.744.329 đồng và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 04/09/2026 cho đến ngày thanh toán dứt nợ

Tại phiên toà, **Ngân hàng TMCP K1** xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, điều chỉnh lại số tiền lãi trong hạn. Theo đó, Ngân hàng đề nghị HĐXX buộc ông **Trương Đình K** thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc chưa thanh toán 59.792.505 đồng; lãi trong hạn 4.947.215 đồng, tổng cộng: 64.739.720 đồng

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Ông **Trương Đình K** mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng

Ý kiến của đại diện VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng tại phiên toà: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 64.739.720 đồng. Đối với phí phát sinh còn lại 5.744.329 đồng, Ngân hàng đã rút nên căn cứ Điều 244 BLTTDS đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của đại diện VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện thì Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông **Trương Đình K** trả số tiền nợ vay đối với thẻ tín dụng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 BLTTDS và Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền: tại thời điểm ký kết hợp đồng và theo biên bản xác minh, bị đơn Ông **Trương Đình K** không sinh sống tại địa phương nhưng có hộ khẩu thường trú tại: **5 Hồ S, tổ E HTĐ, phường C, thành phố Đà Nẵng**. Do đó, căn cứ vào Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, tại thời điểm thụ lý, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng và ông **Trương Đình K** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

[3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên toà, bị đơn Ông **Trương Đình K** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227 và 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt đối với ông **K**.

[4] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của **Ngân hàng K1** đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 13.640.213 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu của đại diện Ngân hàng là phù hợp với quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội, căn cứ Điều 244 BLTTDS, HĐXX chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với tiền nợ gốc và nợ lãi:

[4.1] Giữa Ông **Trương Đình K** và Ngân hàng có ký Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K2** số 0523/25/TC/0500-85090 ngày 09/06/2025. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch, qua đó để xác định Ông **Trương Đình K** có quan hệ tín dụng với Ngân hàng.

[4.2] Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông **Trương Đình K** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với **Ngân hàng TMCP K1** theo thỏa thuận tại Hợp đồng nêu trên. Mặc dù, **Ngân hàng TMCP K1** đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông **K** vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện ông **Trương Đình K** ra Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng để thu hồi nợ đối với toàn bộ khoản nợ là phù hợp với thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K2** số 0523/25/TC/0500-85090 ngày 09/06/2025

[4.3] Đối với số tiền nợ gốc: 59.792.505 đồng

Căn cứ vào Bảng kê tính lãi, tiền phạt và vốn vay và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ xác định, quá trình sử dụng thẻ ông **K** đã giao dịch nhiều lần với tổng số tiền là 389.333.000 đồng, trong đó, số tiền gốc đã trả: 329.540.495 đồng, số tiền lãi đã trả: 1.421.915 đồng, số tiền phí phạt chậm trả đã thanh toán là 321.365 đồng và số tiền phí phạt vượt hạn mức đã thanh toán là 200.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định tạm tính đến ngày 10/7/2026, ông **K** còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 59.792.505 đồng. Trong quá trình giải quyết, ông **Trương Đình K** cố tình vắng mặt, không tham gia các phiên hoà giải theo Thông báo của Tòa án. Tại phiên toà hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông **Trương Đình K** vẫn cố tình vắng mặt. Điều này chứng tỏ ông **Trương Đình K** không có thiện chí trả nợ đối với Ngân hàng. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với số tiền nợ gốc như trên.

[4.4] Nợ lãi trong hạn tạm tính đến ngày 03/9/2026 là 4.947.215 đồng

Đối với phần nợ lãi, Ngân hàng chỉ ghi chung chung là nợ lãi, chưa nêu rõ yêu cầu những khoản nợ lãi nào (lãi trong hạn, lãi quá hạn...) cụ thể từng loại lãi, số tiền lãi và phương pháp tính lãi. Tại hồ sơ vụ án Ngân hàng chưa cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện sự thỏa thuận giữa Ngân hàng và bị đơn (có ký xác nhận của bị đơn) về mức lãi suất cụ thể. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã yêu cầu Ngân hàng cung cấp căn cứ về việc thỏa thuận lãi nhưng Ngân hàng không cung cấp được. Tại phiên toà, đại diện ngân hàng đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 468 BLDS, áp dụng mức lãi suất trong hạn là 10%/năm là phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận, buộc ông **Trương Đình K** phải thanh toán số tiền lãi là 4.947.215 đồng.

Ngoài ra, ông **K** tiếp tục trả lãi và phí phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Từ nhận định trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng K1**, buộc ông **K** có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 64.739.720 đồng, trong đó nợ gốc là 59.792.505 đồng; lãi trong hạn là 4.947.215 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP K1** số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 157, 158, 227, 228, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 100, khoản 1 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP K1**, buộc Ông **Trương Đình K** phải trả cho **Ngân hàng TMCP K1** tổng số tiền tính đến ngày 03/9/2026 là 64.739.720 đồng, trong đó nợ gốc là 59.792.505 đồng; lãi trong hạn là 4.947.215 đồng.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí phát sinh là 5.744.329 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Trương Đình K** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.236.986 đồng. Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP K1** số tiền tạm ứng án phí 1.585.584 đồng theo biên lai thu số 0004648 ngày 07/5/2026 của Thi hành án dân sự Đà Nẵng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 3;
- VKSND Khu vực 3;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Quốc Cường Nguyễn Thị H

Nguyễn Hữu H1

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS KV3;
- VKSND KV3;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hưng